

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012**

(DỰ THẢO TÀI LIỆU TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2011)

Năm 2011, hoạt động tiền tệ được điều hành theo hướng thắt chặt và thận trọng nhằm hỗ trợ cho mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện mạnh mẽ các biện pháp nhằm kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng dưới 20%, điều chỉnh cơ cấu tín dụng đối với lĩnh vực phi sản xuất để đảm bảo tỷ trọng cho vay đối với lĩnh vực này không vượt quá 16% tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2011, quy định trần lãi suất huy động đối với các tổ chức tín dụng,... Dưới tác động của những chính sách này, năm tài chính 2011 được ghi nhận với mức tăng trưởng GDP cả nước chỉ tăng 5.89% nhưng lạm phát cả năm vẫn duy trì ở mức cao trên 18.00%, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 13.00% (mức thấp nhất trong lịch sử ngành ngân hàng), nợ xấu của các ngân hàng tăng mạnh so với năm 2010 và hiện duy trì ở mức 3.40% trên tổng dư nợ, khủng hoảng thanh khoản trong hệ thống ngân hàng thương mại vẫn chưa được giải quyết triệt để,... Trong bối cảnh đó, bằng những bước đi hết sức cẩn trọng và linh hoạt, Ngân hàng đã vượt qua những khó khăn do môi trường vĩ mô đem lại bằng việc tiếp tục duy trì được sự ổn định và tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011.

- Một số chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng TMCP Nam Việt tính đến 31/12/2011 như sau:

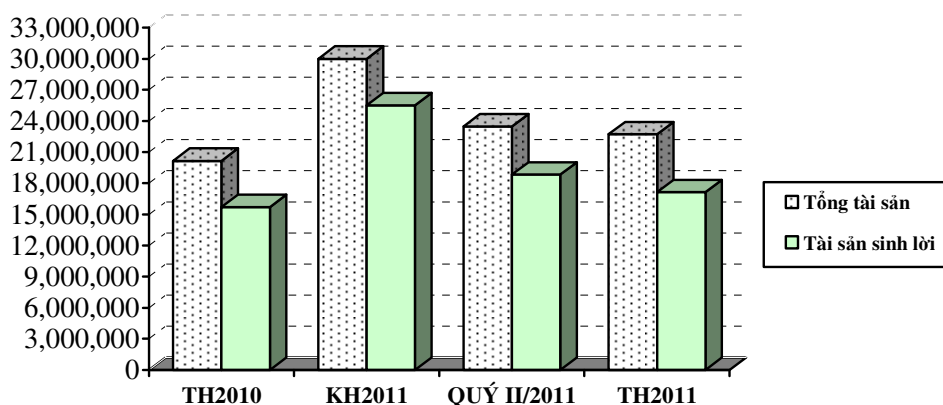
Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH2010	KH2011	TH2011	TH2011 sv KH2011
A	TỔNG TÀI SẢN				
1	Tổng tài sản	20,156,367	30,000,000	22,713,778	75.71%
2	Tài sản có sinh lời	15,681,442	25,500,000	17,126,351	67.16%
3	TSCSL/TTS	77.80%	85.00%	75.40%	
B	NGUỒN VỐN				
1	Nguồn vốn huy động	16,719,121	25,000,000	18,567,809	74.27%
	- Tổ chức tài chính, tín dụng	5,308,626	5,000,000	3,475,828	69.52%
	- Tổ chức kinh tế & dân cư	11,410,495	20,000,000	15,091,981	75.46%
	+ Tổ chức kinh tế	2,379,625	4,800,000	2,432,193	50.67%
	+ Dân cư	9,030,870	15,200,000	12,659,787	83.29%
2	Cơ cấu huy động vốn				
	- Tổ chức kinh tế & dân cư	68.25%	80.00%	81.28%	

	- Ngắn hạn	71.59%	35.00%	87.76%	
3	Vốn điều lệ	1,820,235	3,010,216	3,010,216	100.00%
4	Vay NHNN	160,419	-	51,238	
5	Các quỹ	44,731	200,000	68,268	34.13%
C SỬ DỤNG VỐN					
1	Dự trữ sơ cấp	2,678,454	1,430,000	2,253,900	157.62%
2	Góp vốn, mua cổ phần	586,115	800,000	753,815	94.23%
3	Cho vay	10,766,555	12,915,000	12,914,682	100.00%
4	Cơ cấu cho vay				
	- Tổ chức kinh tế & dân cư	100.00%	100.00%	100.00%	
	- Trung dài hạn	41.07%	45.00%	40.55%	
5	Nợ xấu	241,102	387,450	376,635	
	Tỷ lệ nợ xấu	2.24%	3.00%	2.92%	
6	Tài sản cố định	836,402	1,000,000	1,513,930	151.39%
7	Tài sản có khác	1,508,398	2,000,000	1,455,161	72.76%
D KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
1	Thu từ lãi	2,063,099	2,938,818	3,645,489	124.05%
	Thu ngoài lãi	182,040	122,271	289,106	236.45%
2	Chi từ lãi	1,566,204	2,334,762	2,900,936	124.25%
	Chi ngoài lãi	428,566	417,930	724,105	173.26%
	Chi dự phòng rủi ro	41,919	32,381	69,484	214.58%
3	Số dư quỹ DPRR	127,619	160,000	160,495	100.31%
4	Lợi nhuận trước thuế	208,451	276,015	240,071	86.98%
	ROA (%)	1.27	1.10	1.07	
	ROE (%)	18.20	9.50	8.22	

I. Tổng tài sản.

- Tổng tài sản của toàn Ngân hàng tính đến hết 31/12/2011 đạt 22,713,778 triệu Đồng, tăng 2,557,411 triệu Đồng (12.69%) so với năm 2010 và hoàn thành được 75.71% kế hoạch 2011. Tổng tài sản tăng trong năm chủ yếu từ nguồn vốn huy động khách hàng cá nhân (tăng 3,628,917 triệu Đồng).
- Tài sản có sinh lời của toàn Ngân hàng tính đến 31/12/2011 đạt 17,126,351 triệu Đồng, tăng 1,444,909 triệu Đồng (9.21%) so với năm 2010, chiếm 75.40% tổng tài sản.



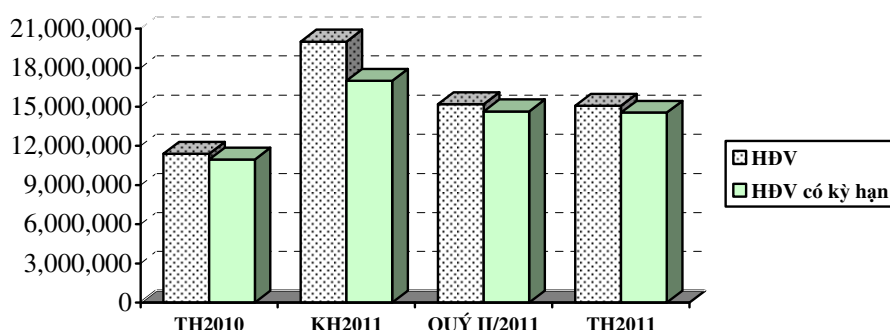
II. Vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ của Ngân hàng tính đến hết 31/12/2011 đạt 3,010,216 triệu Đồng, tăng 1,189,981 triệu Đồng so với đầu năm, chiếm 13.25% tổng tài sản.

III. Hoạt động huy động vốn.

1. Tăng trưởng huy động vốn.

- Nguồn vốn huy động từ cá nhân và tổ chức kinh tế tính đến hết 31/12/2011 đạt 15,091,981 triệu Đồng, tăng 3,681,486 triệu Đồng (32.26%) so với đầu năm 2010. Trong đó, huy động vốn có kỳ hạn chiếm 96.48%. Nguồn vốn huy động trong năm tăng chủ yếu ở đối tượng khách hàng cá nhân (tăng 3,628,917 triệu Đồng).



2. Cơ cấu nguồn vốn huy động.

- Nguồn vốn huy động tập trung chủ yếu ở kỳ hạn ngắn hạn (chiếm 87.76%) và khách hàng cá nhân (chiếm 68.18%).

Đơn vị tính: triệu Đồng

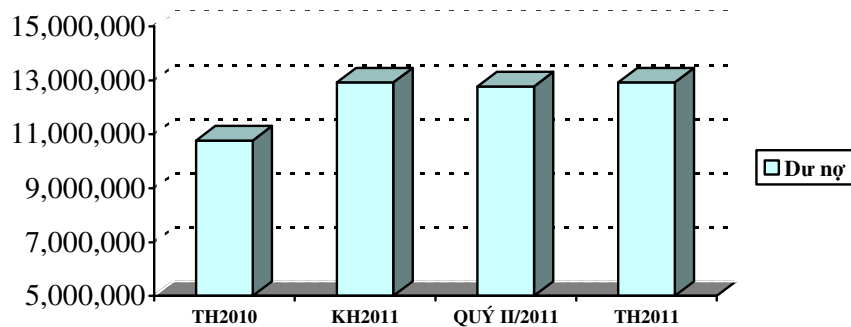
STT	Tiêu chí	Số dư	Tỷ trọng
I	Nguồn vốn huy động	18,567,809	100.00%
1	Cá nhân	12,659,787	68.18%
2	Tổ chức kinh tế	2,432,193	13.10%
3	Tổ chức tài chính, tín dụng	3,475,828	18.72%
II	Theo thời hạn	18,567,809	100.00%
1	Không kỳ hạn	1,527,586	8.23%
2	Ngắn hạn	16,295,623	87.76%

3	Trung dài hạn	744,600	4.01%
III	Loại tiền tệ	18,567,809	100.00%
1	VND	15,630,390	84.18%
2	Ngoại tệ	2,677,721	14.42%
3	XAU	259,698	1.40%

IV. Hoạt động tín dụng và đầu tư.

1. Tăng trưởng tín dụng.

- Dự nợ tín dụng của toàn Ngân hàng đến hết năm 2011 đạt 12,914,682 triệu Đồng, tăng 2,148,127 triệu Đồng (19.95%) so với năm 2010. Dự nợ tín dụng trong năm tăng chủ yếu từ đối tượng khách hàng tổ chức kinh tế (tăng 2,564,092 triệu Đồng) và tăng từ cho vay ngắn hạn (tăng 1,512,404 triệu Đồng).



2. Cơ cấu dự nợ tín dụng.

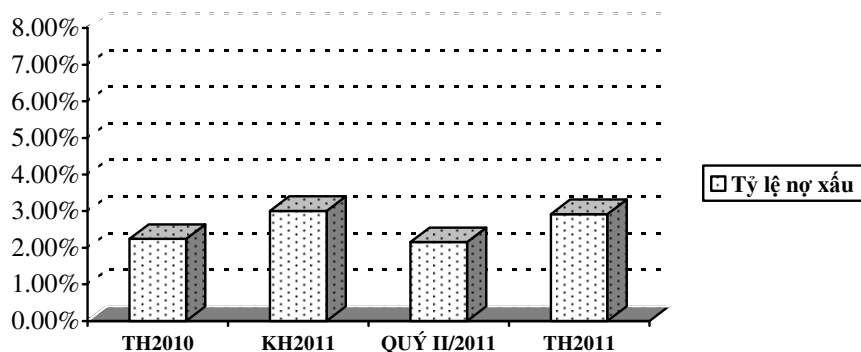
- Dự nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 59.45% tổng dự nợ và tập trung chủ yếu ở đối tượng tổ chức kinh tế (chiếm 73.54%).

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Tiêu chí	Số dư	Tỷ trọng
I	Dự nợ tín dụng	12,914,682	100.00%
1	Cá nhân	3,417,812	26.46%
2	Tổ chức kinh tế	9,496,869	73.54%
3	Tổ chức tín dụng	0	0.00%
II	Theo thời hạn	12,914,682	100.00%
1	Ngắn hạn	7,677,846	59.45%
2	Trung dài hạn	5,236,836	40.55%
III	Theo loại tiền tệ	12,914,682	100.00%
1	VND	11,005,053	85.21%
2	Ngoại tệ	1,877,683	14.54%
3	XAU	31,946	0.25%

3. Chất lượng tín dụng.

- Nợ xấu: tính đến thời điểm 31/12/2011, số dư nợ xấu (nợ phân loại các nhóm 3, 4 và 5 theo quy định NHNN) của toàn Ngân hàng là 376,635 triệu Đồng, chiếm 2.92% tổng dự nợ.



4. *Đầu tư tiền gửi thị trường liên ngân hàng.*

- Tính đến thời điểm 31/12/2011, tổng số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác đạt 1,616,036 triệu Đồng, chiếm 7.11% tổng tài sản.

5. *Đầu tư góp vốn, liên doanh, mua cổ phần.*

- Trong năm 2011, Ngân hàng đã góp vốn, mua cổ phần Công ty CP Chứng khoán Navibank 17,700 triệu Đồng và Công ty CP Đô thị Du lịch Cần Giờ 150,000 triệu Đồng.
- Các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần của Ngân hàng tính đến hết 31/12/2011 là 753,815 triệu Đồng. Trong đó, góp vốn vào Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Nam Việt Ngân hàng 47,000 triệu Đồng và góp vốn đầu tư dài hạn khác là 706,815 triệu Đồng, cụ thể:

Công ty CP DL Sài Gòn – Qui Nhơn	: 5,000 triệu Đồng.
Công ty CP Địa Ốc Nam Việt	: 11,000 triệu Đồng.
Quỹ Chứng khoán Y tế Bản Việt	: 15,000 triệu Đồng.
Công ty CP DV trực tuyến Cộng Đồng Việt	: 3,300 triệu Đồng.
Công ty CP ĐTPT nhà máy điện Sài Gòn – Bình Thuận	: 90,000 triệu Đồng.
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	: 76,615 triệu Đồng.
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	: 338,200 triệu Đồng.
Công ty CP Chứng khoán Navibank	: 17,700 triệu Đồng.
Công ty CP Đô thị Du lịch Cần Giờ	: 150,000 triệu Đồng.

V. **Hoạt động dịch vụ.**

1. *Dịch vụ.*

- Một số dịch vụ chủ yếu:

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Loại hình dịch vụ	Doanh số	Số món	Thu dịch vụ
I	Thanh toán trong nước	184,378,310	136,074	3,146
1	Chuyển tiền đi	96,100,921	77,614	
2	Chuyển tiền đến	88,277,389	58,460	
II	Thanh toán quốc tế	10,866,771	3,038	14,406
1	Chuyển tiền đi	422,538	908	
2	Chuyển tiền đến	611,431	881	
3	Thư tín dụng nhập			
	- Phát hành thư tín dụng	3,491,394	479	
	- Thanh toán bộ chứng từ	5,122,156	404	

4	Thư tín dụng xuất			
	- Xuất trình bộ chứng từ	262,695	85	
	- Thanh toán bộ chứng từ	262,767	86	
	- Thông báo bộ chứng từ	552,055	76	
5	Nhờ thu nhập	130,667	106	
6	Nhờ thu xuất	11,068	13	
III	Chi trả kiều hối	83,469	6,235	317

- Doanh thu hoạt động dịch vụ tính đến 31/12/2011 đạt 34,666 triệu Đồng giảm 3,212 triệu Đồng so với năm 2010 và chiếm 0.88% tổng doanh thu.

2. *Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng.*

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán quốc tế và kinh doanh của khách hàng (tổng doanh số mua, bán trong năm đạt hơn 582 triệu USD và hơn 130 nghìn lượng vàng). Trạng thái ngoại tệ dương khoảng 22.6 triệu USD.

3. *Thẻ.*

- Trong năm 2011, Ngân hàng phát hành thêm được 14,150 thẻ Navicard (gồm 12,513 thẻ Debit, 1,637 thẻ Credit) nâng tổng số thẻ Navicard đã phát hành trên thị trường lên 49,942 thẻ. Trong năm 2011, doanh thu hoạt động dịch vụ thẻ của toàn Ngân hàng đạt 2,389 triệu Đồng (tăng 1,222 triệu Đồng so với năm 2010), số đơn vị chấp nhận thẻ đạt 339, số điểm chấp nhận thẻ đạt 357, lắp đặt 359 POS (trong đó có 161 POS Eximbank) và đã đưa vào hoạt động được 32 ATM (tăng 03 so với năm 2010) tại các điểm giao dịch trên toàn quốc.
- Ngoài việc đẩy mạnh sản phẩm thẻ truyền thống, Ngân hàng đã liên kết với các đối tác khác để đưa ra những sản phẩm dịch vụ thẻ liên kết nhằm gia tăng tiện ích cho khách hàng. Với việc kết nối thành công với 03 liên minh thẻ VNBC, Banknet, Smartlink, các chủ thẻ Navibank có thể thực hiện giao dịch mọi lúc, mọi nơi trên 10.000 ATM và hàng chục nghìn điểm chấp nhận thẻ (POS) trên toàn quốc.

VI. Kết quả kinh doanh.

- Lợi nhuận trước thuế tính đến hết 31/12/2011 của toàn Ngân hàng đạt 240,071 triệu Đồng, tăng 31,620 triệu Đồng (15.17%) so với năm trước.
- Một số chỉ tiêu tài chính khác:

Một số chỉ tiêu tài chính khác	KH2011	TH2011
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	$\geq 9\%$	16.94%
Tỷ lệ khả năng chi trả	$\geq 15\%$	17.87%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn	$\leq 30\%$	21.58%

VII. Các hoạt động khác.

1. *Hoạt động Marketing.*

a. *Sản phẩm.*

- Với mong muốn tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng, Ngân hàng đã tập trung nghiên cứu và triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ cao cấp, hiện đại nhằm cạnh tranh với ngân hàng trên thị trường như: Ban hành sản

phẩm tiết kiệm điện tử – sản phẩm cho phép khách hàng gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND mọi lúc mọi nơi thông qua dịch vụ Internet Banking; Triển khai tính năng cho phép khách hàng nhận tiền bằng chứng minh nhân dân thông qua hình thức chuyển tiền trên Internet Banking; Triển khai tính năng cho phép khách hàng đăng ký tài khoản nhận trên Internet Banking.

- Bên cạnh đó, để tìm hiểu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, bộ phận phát triển sản phẩm của Ngân hàng đã chủ động nghiên cứu, khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của Ngân hàng.

b. *Giá.*

- Lãi suất và tỷ giá hối đoái tại thị trường Việt Nam đã có những biến động hết sức phức tạp trong năm 2011. Trong bối cảnh đó, để đảm bảo sự ổn định trong hoạt động, Ngân hàng theo đuổi chính sách giá linh hoạt để có thể đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy định của Ngân hàng Nhà nước, phản ứng nhanh đối với các thay đổi từ môi trường vĩ mô.

c. *Mạng lưới.*

- Trong năm 2011, Ngân hàng chủ yếu tập trung cho công tác điều chỉnh mạng lưới hoạt động theo Quyết định số 13/2008/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, Ngân hàng đã khai trương và đưa vào hoạt động thêm 05 Chi nhánh trên cơ sở nâng cấp 05 Phòng giao dịch liên kế đặt tại các tỉnh/ thành phố như:
 - + Ngày 30/05/2011, Ngân hàng khai trương Chi nhánh Bạc Liêu trên cơ sở nâng cấp Phòng giao dịch số 07 trực thuộc Chi nhánh Kiên Giang.
 - + Ngày 08/06/2011, Ngân hàng khai trương Chi nhánh Bắc Giang trên cơ sở nâng cấp Phòng giao dịch số 13 trực thuộc Chi nhánh Hà Nội.
 - + Ngày 25/07/2011, Ngân hàng khai trương Chi nhánh Thái Nguyên trên cơ sở nâng cấp Phòng giao dịch số 12 trực thuộc Chi nhánh Hà Nội.
 - + Ngày 29/07/2011, Ngân hàng khai trương Chi nhánh Cà Mau trên cơ sở nâng cấp Phòng giao dịch số 08 trực thuộc Chi nhánh Kiên Giang.
 - + Ngày 29/08/2011, Ngân hàng khai trương Chi nhánh Hưng Yên trên cơ sở nâng cấp Phòng giao dịch số 15 trực thuộc Chi nhánh Hà Nội.
- Ngoài việc nâng cấp các Phòng giao dịch lên Chi nhánh, trong năm 2011, Ngân hàng cũng đã khai trương hoạt động một số điểm giao dịch mới như:
 - + Ngày 06/01/2011, Ngân hàng khai trương Phòng giao dịch số 05 – Navibank Đồng Đa trực thuộc Chi nhánh Đà Nẵng tại 233 Đồng Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.
 - + Ngày 06/04/2011, Ngân hàng khai trương Phòng giao dịch số 01 – Navibank Cai Lậy trực thuộc Chi nhánh Tiền Giang tại 15 Tỉnh lộ 868, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy.
 - + Ngày 13/04/2011, Ngân hàng khai trương Quỹ tiết kiệm số 01 – Navibank Phương Liên trực thuộc Chi nhánh Hà Nội tại 198 Phố Xã Đàn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội.
 - + Ngày 27/04/2011, Ngân hàng khai trương Quỹ tiết kiệm số 01 – Navibank Nguyễn Huệ trực thuộc Chi nhánh Vĩnh Long tại 107B Nguyễn Huệ, Phường 2, TP.Vĩnh Long.
 - + Ngày 29/06/2011, Ngân hàng khai trương Phòng giao dịch số 02 – Navibank Thuận An trực thuộc Chi nhánh Bình Dương tại C222, Khu phố Bình Đức 1, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An.

- + Ngày 28/07/2011, Ngân hàng khai trương Phòng giao dịch số 12 – Navibank Bình Phú trực thuộc Sở giao dịch tại 161 – 163 Bình Phú và Đường số 10, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.
- + Ngày 09/09/2011, Ngân hàng khai trương Phòng giao dịch số 17 – Navibank Hàng Xanh trực thuộc Sở giao dịch tại 246A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
- + Ngày 29/09/2011, Ngân hàng khai trương Phòng giao dịch số 16 – Navibank Tân Hương trực thuộc Sở giao dịch tại 179 – 179A Tân Hương, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.
- + Ngày 11/11/2011, Ngân hàng khai trương Phòng giao dịch số 15 – Navibank Lê Văn Sỹ trực thuộc Sở giao dịch tại 258 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP.HCM.
- Tính đến 31/12/2011, mạng lưới giao dịch của Ngân hàng gồm có 91 điểm giao dịch, trong đó gồm 01 Hội sở chính, 01 Sở giao dịch, 19 Chi nhánh và 70 Phòng giao dịch/ Quỹ tiết kiệm tập trung tại các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương, Bắc Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu,... Trong số 70 Phòng giao dịch/ Quỹ tiết kiệm trên, Ngân hàng còn 04 Phòng giao dịch liên kế thuộc diện phải điều chỉnh lên Chi nhánh (gồm 02 Phòng giao dịch đặt tại các tỉnh Thái Bình, Quảng Ninh trực thuộc Chi nhánh Hải Phòng và 02 Phòng giao dịch đặt tại các tỉnh Đồng Tháp, Hậu Giang trực thuộc Chi nhánh Cần Thơ). Mạng lưới giao dịch của Ngân hàng tính đến 31/12/2011 gồm:

STT	Đơn vị	TH2011				Tổng cộng
		Hội sở	Sở giao dịch	Chi nhánh	PGD/ QTK	
1	TP.Hồ Chí Minh	1	1		25	27
2	Kiên Giang			1	5	6
3	Hà Nội			1	14	15
4	Hải Phòng			1	6	7
5	Đà Nẵng			1	6	7
6	Cần Thơ			1	1	2
7	Thừa Thiên Huế			1	2	3
8	Bình Dương			1	2	3
9	Tiền Giang			1	1	2
10	Bà Rịa – Vũng Tàu			1		1
11	Đồng Nai			1	1	2
12	Long An			1	1	2
13	Bắc Ninh			1	1	2
14	An Giang			1		1
15	Vĩnh Long			1	1	2
16	Bạc Liêu			1		1
17	Bắc Giang			1		1
18	Thái Nguyên			1		1
19	Cà Mau			1		1
20	Hưng Yên			1		1
21	Quảng Ninh				1	1
22	Thái Bình				1	1

23	Hậu Giang				1	1
24	Đồng Tháp				1	1
TỔNG CỘNG		1	1	19	70	91

d. *Chiêu thị.*

- Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Ngân hàng tập trung mọi nguồn lực cho công tác quản trị điều hành nhằm đảm bảo duy trì sự ổn định và bền vững trong hoạt động. Với lý do đó, hoạt động chiêu thị trong năm 2011 của Ngân hàng chỉ dừng lại ở việc chăm sóc khách hàng thông qua một số chương trình tặng quà nhân ngày lễ, tết đồng thời tài trợ một số chương trình, sự kiện nhằm quảng bá hình ảnh Ngân hàng.

2. *Công tác quản trị điều hành.*

- Nhằm chuẩn hóa và giảm thiểu rủi ro cho các hoạt động nghiệp vụ, trong quá trình hoạt động, Ngân hàng luôn chú trọng đến việc ban hành các văn bản (quy định, quy trình, quy chế) áp dụng cho toàn hệ thống Ngân hàng. Trong năm 2011, Ngân hàng đã ban hành một số văn bản như sau: Quy định thẩm định tài sản bảo đảm; Quy trình ứng tiền mặt thông qua thẻ tín dụng Navicard tại POS – Navibank; Quy trình phát triển sản phẩm;...

3. *Công tác quản trị nguồn nhân lực.*

- Với quy mô hoạt động và mạng lưới giao dịch rộng khắp, việc thu hút và phát triển nguồn nhân lực có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao là hết sức quan trọng và cần thiết. Trong năm 2011, với mong muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Ngân hàng còn triển khai chương trình đào tạo trực tuyến, nhân viên sẽ được học tập và kiểm tra kiến thức trực tuyến thông qua internet.
- Tính đến 31/12/2011, số lượng cán bộ nhân viên đang công tác tại Ngân hàng gồm:
- + Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Ngân hàng gồm 16 người, trong đó có 08 người có trình độ trên Đại học và 08 người có trình độ Đại học.
- + Cán bộ công nhân viên của toàn Ngân hàng tính đến 31/12/2011 đạt 1,475 người, tăng 195 người so với năm 2010 và chủ yếu có trình độ Đại học 64.62%.

Một số tiêu chí	2010	2011	Tăng/giảm
<i>Tổng số</i>	<i>1,280</i>	<i>1,475</i>	<i>195</i>
<i>Theo giới tính</i>			
– Nam	571	660	89
– Nữ	709	815	106
<i>Theo trình độ</i>			
– Trên đại học	28	38	10
– Đại học	836	962	126
– Cao đẳng, Trung cấp	152	176	24
– Lao động khác	264	299	35

4. *Công tác đoàn thể và hoạt động xã hội.*

- Năm 2011, mặc dù hoạt động của Ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn, các biện pháp cắt giảm chi phí được thực hiện tối đa nhưng công đoàn Ngân hàng cũng đã cố gắng triển khai nhiều hoạt động nhằm tạo chỗ dựa vững chắc cho tất cả các đoàn viên. Trong năm 2011, Ngân hàng đã quan tâm, chăm lo đời sống cán bộ nhân viên toàn Ngân hàng bằng nhiều hình thức như tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên

toàn Ngân hàng, tổ chức chuyển nghỉ mát, tham gia các chương trình do Công đoàn các cấp phát động.

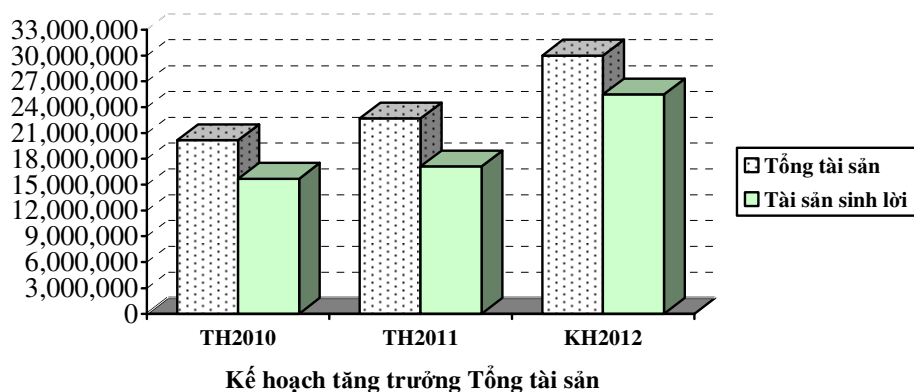
B. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012.

I. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Theo dự kiến, trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước vẫn sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát trên cơ sở kiểm soát tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 14%–16%, tăng trưởng tín dụng 15% – 17%, chuyển đổi cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn phục vụ lĩnh vực sản xuất, lãi suất và tỷ giá được điều chỉnh ở mức phù hợp trên cơ sở đảm bảo lợi ích của người gửi tiền – ngân hàng – người đi vay. Những chính sách này, theo dự báo, sẽ tiếp tục tạo áp lực rất lớn lên vấn đề lãi suất, thanh khoản, lợi nhuận và tăng trưởng của các ngân hàng thương mại trong năm 2012. Với những dự báo về định hướng điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, mục tiêu của Ngân hàng TMCP Nam Việt trong năm 2012 là đảm bảo an toàn thanh khoản, tăng trưởng ổn định và đảm bảo mức sinh lời hợp lý. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng TMCP Nam Việt trong năm 2012 như sau:

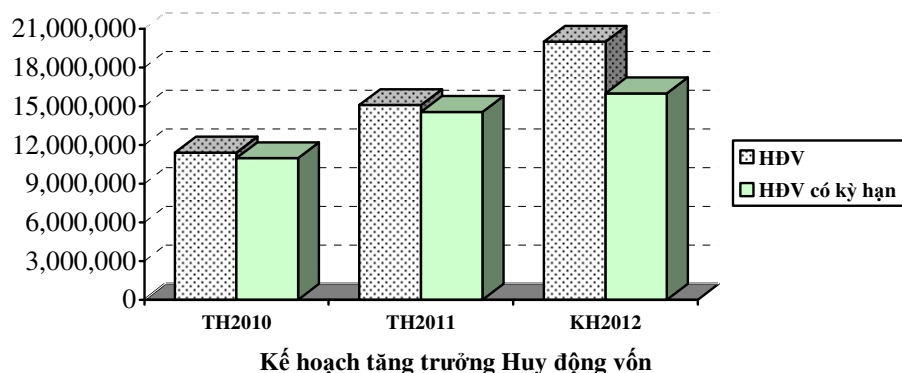
1. Tổng tài sản.

- Tổng tài sản theo kế hoạch của Ngân hàng đến 31/12/2012 đạt 30,000,000 triệu Đồng, tăng hơn 32% so với năm 2011, trong đó tài sản có sinh lời trên tổng tài sản đạt tỷ trọng tối thiểu 85%.



2. Huy động vốn.

- Nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đến 31/12/2012 ước tính đạt 20,000,000 triệu Đồng, tăng gần 33% so với năm 2011.



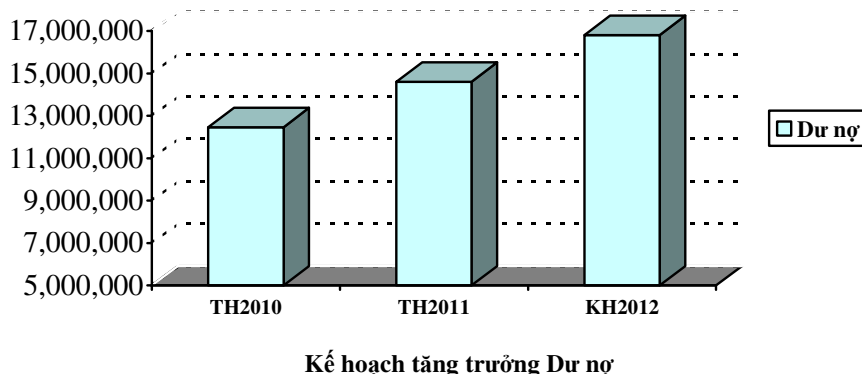
- Cơ cấu huy động vốn:

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Tiêu chí	Số dư	Tỷ trọng
I	Nguồn vốn huy động	20,000,000	100.00%
1	Dân cư	16,000,000	80.00%
2	Tổ chức kinh tế	4,000,000	20.00%
II	Theo thời hạn	20,000,000	100.00%
1	Ngắn hạn	16,000,000	80.00%
2	Trung dài hạn	4,000,000	20.00%

3. *Dư nợ tín dụng.*

- Dư nợ tín dụng của Ngân hàng dự kiến đến 31/12/2012 đạt 16,806,000 triệu Đồng, tăng dưới 15% so với năm 2011 (bao gồm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp).



- Cơ cấu dư nợ tín dụng:

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Tiêu chí	Số dư	Tỷ trọng
I	Theo thành phần kinh tế	16,806,000	100.00%
1	Dân cư	3,361,000	20.00%
2	Tổ chức kinh tế	11,745,000	69.89%
3	Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp	1,700,000	10.11%
II	Theo thời hạn	16,806,000	100.00%
1	Ngắn hạn	8,403,000	50.00%
2	Trung dài hạn	8,403,000	50.00%

4. *Hiệu quả hoạt động.*

- Dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 300,097 triệu Đồng, tăng 60,027 triệu Đồng so với năm 2011. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) ước đạt trên 9.70%, tỷ suất cổ tức trên mỗi cổ phần (DPS) ước đạt 6.36%.

II. Định hướng và giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2012.

1. *Đối với các chỉ tiêu tài chính.*

a. *Huy động vốn:*

Nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản và đáp ứng nhu cầu vốn để phục vụ cho hoạt động tín dụng, trong năm 2012, Ngân hàng sẽ tập trung đẩy mạnh tăng trưởng huy động trên thị trường 1 để duy trì tỷ lệ dư nợ tín dụng trên nguồn vốn huy động ở mức hợp lý là 85%. Các giải pháp cụ thể cho công tác huy động vốn như sau:

- Thực hiện đồng thời chiến lược “Pull” và “Push” bằng việc triển khai song song các chương trình khuyến mại huy động vốn kết hợp với các chương trình thi đua huy động vốn nội bộ.
- Khảo sát, đánh giá tiềm năng nguồn vốn huy động ở từng thị trường, từng nhóm khách hàng; thực hiện việc phân loại khách hàng để có những chính sách riêng đối với từng nhóm khách hàng; triển khai các sản phẩm dịch vụ, cung cấp sản phẩm trọn gói cho khách hàng.

b. *Tín dụng:*

Tuỳ theo diễn tiến tình hình kinh tế vĩ mô và các chính sách điều hành của chính phủ, Ngân hàng sẽ có chính sách tăng trưởng tín dụng hợp lý và thận trọng. Các giải pháp cụ thể cho công tác tín dụng như sau:

- Hoàn thiện danh mục sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp phục vụ các mục đích vay sản xuất kinh doanh, đặc biệt là gói sản phẩm phục vụ các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.
- Hoàn thiện các quy trình, quy định về thẩm định, tái thẩm định tín dụng, thẩm định tài sản đảm bảo, nguyên tắc xác định hạn mức tín dụng cấp cho khách hàng,... ngay trong quý I để làm cơ sở cho việc tăng trưởng tín dụng trong những quý tiếp theo đồng thời kiểm soát được chất lượng tín dụng khi giải ngân cho vay đối với khách hàng.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng vốn vay tránh tình trạng vốn vay được sử dụng sai mục đích làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng.

c. *Lợi nhuận:*

Để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, Ngân hàng sẽ phấn đấu hoàn thành càng sớm càng tốt kế hoạch tăng trưởng nguồn huy động và dư nợ tín dụng đã đề ra kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và tập trung khai thác nguồn thu phi tín dụng từ nhóm khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng. Song song đó, các biện pháp tiết giảm chi phí cũng sẽ được Ngân hàng tập trung thực hiện.

- Thực hiện việc bán kèm các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng khi cấp tín dụng cho khách hàng; tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp nhằm khai thác tối đa lợi thế trong dịch vụ thanh toán và các dịch vụ khác của Ngân hàng như: thanh toán tiền điện, nước, phí truyền hình cáp, phí bảo hiểm, ...; đẩy mạnh việc phát triển khách hàng trên cơ sở nhóm khách hàng có giao dịch liên quan như: nhóm khách hàng tiền vay, nhóm khách hàng tiền gửi để tăng doanh thu hoạt động dịch vụ.

- Rà soát, phân tích chi phí hoạt động của Ngân hàng để có chính sách chi tiêu phù hợp, tăng năng suất lao động, tránh lãng phí.

2. *Định hướng khách hàng.*

Với định hướng ngân hàng bán lẻ, khách hàng mục tiêu của Ngân hàng là nhóm khách hàng cá nhân đối với hoạt động huy động vốn và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ đối với hoạt động tín dụng. Để phục vụ nhóm khách hàng mục tiêu này, chính sách của Ngân hàng sẽ bao gồm các nội dung cụ thể sau:

- Triển khai thực hiện công tác nghiên cứu, đánh giá nhu cầu của nhóm khách hàng mục tiêu thông qua các cuộc khảo sát, từ đó thiết kế các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu.
- Xây dựng chính sách giá cạnh tranh, linh hoạt, phù hợp với các diễn biến thị trường cũng như đặc điểm của từng nhóm khách hàng mục tiêu.
- Nâng cao chất lượng phục vụ của Ngân hàng: Rà soát bộ tiêu chuẩn Giao Dịch viên nhằm mục đích thống nhất các quy tắc ứng xử, tiến trình giao dịch của Giao dịch viên trong toàn hệ thống Ngân hàng khi giao dịch với khách hàng; lắp đặt các camera kiểm soát tại các quầy giao dịch nhằm đánh giá thái độ ứng xử cũng như tác phong làm việc của Giao Dịch viên.

3. *Định hướng quản trị điều hành.*

Bên cạnh những định hướng và giải pháp thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2012, công tác quản trị điều hành cũng được quan tâm, chú trọng để làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

- Trên cơ sở chiến lược kinh doanh đã xác định trong giai đoạn 2011 – 2020, Ngân hàng sẽ xây dựng kế hoạch kinh doanh trung và ngắn hạn phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh đã lựa chọn, đồng thời xây dựng các chiến lược kinh doanh bộ phận như chiến lược tài chính, chiến lược nhân sự, chiến lược Marketing, ...
- Cơ cấu lại hệ thống tổ chức hoạt động theo mô hình khối nghiệp vụ, phân hóa rõ chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban, theo định hướng nâng cao chất lượng quản trị rủi ro đảm bảo điều hành Ngân hàng hoạt động an toàn và hiệu quả.
- Xây dựng chính sách giữ, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài; Xây dựng chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực song song với việc xây dựng hệ thống khuyến khích, đánh giá hiệu quả và lộ trình thăng tiến nghề nghiệp của cán bộ, nhân viên;
- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; từng bước chuyển từ kiểm tra giám sát việc tuân thủ sang kiểm tra, giám sát trên cơ sở quản trị rủi ro hoạt động.
- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế, quy định liên quan đến tất cả các mảng hoạt động nhằm tối thiểu hoá rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.

Kết thúc năm 2011, mặc dù môi trường kinh doanh gặp không ít khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Ngân hàng đã vượt qua những khó khăn do môi trường vĩ mô đem lại bằng việc tiếp tục duy trì được sự ổn định, bền vững trong hoạt động và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 2012 sẽ tiếp tục là một năm đầy thử thách, khó khăn đối với ngành ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Nhận thức được điều đó Ban điều hành đặc biệt dành nhiều thời gian đánh giá xem xét các kịch bản tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam

nhằm dự báo các rủi ro có thể xảy ra để chuẩn bị các phương án đối ứng. Dựa trên kinh nghiệm và sự nỗ lực chung của toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Nam Việt tự tin vượt qua thách thức và hoàn thành các nhiệm vụ mới đã đặt ra trong năm 2012.

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

Nơi nhận: (__ bản)
- VP HĐQT, BKS, BTGD,
- SGD và các chi nhánh,
- Lưu KHTT, HC.